

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét
Cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2024



Được soát xét bởi:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	03 - 05
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	06 - 07
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
- Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	08 - 10
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	11 - 13
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	12 - 13
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	14 - 51

01172
ÔNG T
TNHH
VỤ T
ÍNH K
KIỂM T
PHÍA N

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bamboo Capital (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2024.

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bamboo Capital là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311315789 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/11/2011 và thay đổi lần thứ 30 ngày 26/06/2024.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 8.001.966.250.000 VND

Vốn góp của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024: 8.001.966.250.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty hiện được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán “BCG”.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh chính

Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (trừ không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối quy định tại Thông tư 34/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013). Bán buôn thực phẩm, chi tiết: Bán buôn sữa, các sản phẩm từ sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột, cà phê, cacao (trừ không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối quy định tại Thông tư 34/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013) (không hoạt động tại trụ sở). Kinh doanh bất động sản (trừ: không thực hiện hoạt động đầu tư xây dựng hạ tầng nghỉ trang, nghỉ địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng), quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Cho thuê ô tô. Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Xây dựng nhà các loại. Xây dựng công trình công ích. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chuẩn bị mặt bằng. Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Hoàn thiện công trình xây dựng. Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ. Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác. Sản xuất đồ gỗ xây dựng. Khai thác quặng sắt. Khai thác quặng uranium và quặng thorium. Cung cấp các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ và thực hiện các hoạt động đầu tư.

4. Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ

Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 được thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

5. Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ số 04/2024/NQ-ĐHCĐ-BCG ngày 27/04/2024 và các Nghị quyết HĐQT liên quan, Công ty đã thực hiện phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền 100:10. Tổng số cổ phiếu đã được phân phối trong đợt phát hành: 80.014.019 cổ phiếu. Thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 31 ngày 22/08/2024 với vốn điều lệ là 8.802.106.440.000 VND.

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

6. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và Đại diện Pháp luật

Hội đồng Quản trị

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Kou Kok Yiow	Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm ngày 27/04/2024)
Ông Nguyễn Hồ Nam	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 27/04/2024)
Ông Nguyễn Thế Tài	Phó Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 27/04/2024)
Ông Phạm Minh Tuấn	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Thanh Hùng	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Tan Bo Quan, Andy	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Tùng Lâm	Thành viên HĐQT
Ông Hoàng Trung Thành	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 27/04/2024)
Ông Phạm Nguyễn Thiên Chương	Thành viên HĐQT độc lập (miễn nhiệm ngày 27/04/2024)
Ông Nguyễn Quốc Khánh	Thành viên HĐQT độc lập
Ông Vũ Xuân Chiến	Thành viên HĐQT độc lập
Ông Đặng Đình Tuấn	Thành viên HĐQT độc lập

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Tùng Lâm	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 08/04/2024)
	Phó Tổng Giám đốc điều hành (miễn nhiệm ngày 08/04/2024)
Ông Nguyễn Thế Tài	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 08/04/2024)
Ông Phạm Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 06/02/2024)
Ông Nguyễn Thanh Hùng	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 06/02/2024)
Ông Phạm Hữu Quốc	Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng

Ban Kiểm soát

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đòng Hải Hà	Trưởng ban
Ông Nguyễn Việt Cương	Thành viên
Ông Leong Kwek Choon	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27/04/2024)
Ông Kou Kok Yiow	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27/04/2024)

Đại diện pháp luật

<u>Tên</u>
Ông Kou Kok Yiow
Ông Nguyễn Tùng Lâm
Ông Nguyễn Thanh Hùng

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.



7. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện soát xét các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho Công ty.

8. Công bố trách nhiệm của Hội đồng Quản trị với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Hội đồng Quản trị của Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng Quản trị của Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị của Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

9. Cam kết khác

Hội đồng Quản trị cam kết rằng Công ty đã tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2024

T.M. Hội đồng Quản trị

Phó Chủ tịch HĐQT



Phạm Minh Tuấn

(Theo Giấy ủy quyền số 05/2024/UQ-HĐQT-BCG ngày 21/05/2024)

Số: 730/BCSX/TC/2024/AASCS

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2024 kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 kèm theo của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bamboo Capital, được lập ngày 29 tháng 08 năm 2024, từ trang 08 đến trang 51, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

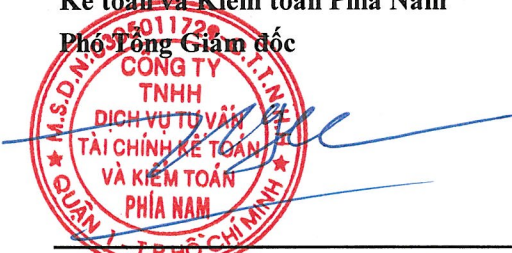
Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bamboo Capital đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2024

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Phía Nam

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Mỹ Ngọc

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 1091-2023-142-1



Mẫu số B 01a – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Ngày 30/06/2024	Ngày 01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		842.329.669.207	135.094.424.903
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	656.255.448.475	23.082.984.226
1. Tiền	111		636.255.448.475	12.672.984.226
2. Các khoản tương đương tiền	112		20.000.000.000	10.410.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.05	30.720.000.000	1.700.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		30.720.000.000	1.700.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		154.290.521.601	110.142.066.478
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	15.519.667.374	20.913.010.602
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	5.834.711.408	5.843.111.360
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.04	72.789.600.000	6.152.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.06	60.146.542.819	77.233.944.516
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.063.699.131	169.374.199
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.09	907.703.976	168.310.422
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		154.931.378	-
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.13	1.063.777	1.063.777

501172
CÔNG TY
TNHH
VỤ TƯ
KẾ
KIỂM TO
HÓA NAM
LP HỒ

Mẫu số B 01a – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Ngày 30/06/2024	Ngày 01/01/2024
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		10.550.815.915.776	10.480.299.258.926
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		884.526.827.373	594.826.827.373
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.04	883.800.000.000	594.100.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.06	726.827.373	726.827.373
II. Tài sản cố định	220		7.339.016.021	8.311.147.297
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	5.123.814.353	5.963.090.629
- Nguyên giá	222		13.286.728.382	13.794.873.837
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.162.914.029)	(7.831.783.208)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.08	2.215.201.668	2.348.056.668
- Nguyên giá	228		2.734.054.546	2.734.054.546
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(518.852.878)	(385.997.878)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.05	9.656.141.483.091	9.874.226.292.638
1. Đầu tư vào công ty con	251		9.467.823.601.445	9.860.571.501.445
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		277.700.000.000	110.894.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.679.676.293	1.679.676.293
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(91.061.794.647)	(98.918.885.100)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.808.589.291	2.934.991.618
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	2.808.589.291	2.934.991.618
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		11.393.145.584.983	10.615.393.683.829

Mẫu số B 01a – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Ngày 30/06/2024	Ngày 01/01/2024
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.494.539.686.085	4.391.915.814.958
I. Nợ ngắn hạn	310		617.276.651.644	2.330.596.780.515
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	21.247.381.842	19.229.406.817
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	230.535.255	377.473.419
3. Phải trả người lao động	314		2.399.608.750	2.391.121.426
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	29.652.055.040	34.592.945.115
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	536.164.412.211	2.232.720.193.960
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10;11	27.582.658.546	41.285.639.778
II. Nợ dài hạn	330		1.877.263.034.441	2.061.319.034.443
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.15	1.378.646.000.000	1.563.052.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.10;11	498.617.034.441	498.267.034.443
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.16	8.898.605.898.898	6.223.477.868.871
I. Vốn chủ sở hữu	410		8.898.605.898.898	6.223.477.868.871
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		8.001.966.250.000	5.334.676.220.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		8.001.966.250.000	5.334.676.220.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		866.806.882.000	866.926.422.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		29.832.766.898	21.875.226.871
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		21.875.226.871	20.993.050.608
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.957.540.027	882.176.263
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		11.393.145.584.983	10.615.393.683.829

Lập, ngày 29 tháng 08 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Chủ tịch HĐQT

Huỳnh Minh Trường

Phạm Hữu Quốc



Phạm Minh Tuấn

Mẫu số B 02a – DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	17.520.000.000	64.885.163.440
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		17.520.000.000	64.885.163.440
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	10.883.606.753	5.806.093.526
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.636.393.247	59.079.069.914
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	49.408.155.582	36.586.206.833
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	22.153.238.143	67.752.944.055
+ Trong đó: chi phí lãi vay	23		29.636.345.098	41.941.505.964
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.05	26.028.854.493	24.208.008.337
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.862.456.193	3.704.324.355
11. Thu nhập khác	31	VI.06	100.000.000	-
12. Chi phí khác	32	VI.07	4.916.166	5.527.887
13. Lợi nhuận khác	40		95.083.834	(5.527.887)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.957.540.027	3.698.796.468
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.09	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.957.540.027	3.698.796.468

Người lập biểu

Huỳnh Minh Trường

Kế toán trưởng

Phạm Hữu Quốc

Lập, ngày 29 tháng 08 năm 2024

Phó Chủ tịch HĐQT



Phạm Minh Tuấn

Mẫu số B 03a – DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		7.957.540.027	3.698.796.468
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.006.585.821	1.062.084.988
- Các khoản (hoàn nhập dự phòng)/dự phòng	03		(7.857.090.453)	(1.010.926.907)
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(47.656.529.313)	(7.904.080.178)
- Chi phí lãi vay	06		29.986.345.096	42.291.505.962
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(16.563.148.822)	38.137.380.333
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		25.232.442.537	(4.841.359.386)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(1.880.632.257.564)	(218.315.472.678)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(612.991.227)	540.487.767
- Tiền lãi vay đã trả	14		(33.027.235.173)	(39.472.375.703)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.905.603.190.249)	(223.951.339.667)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(34.454.545)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	557.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(402.489.600.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		17.132.000.000	2.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(193.058.100.000)	(352.010.200)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		419.000.000.000	283.508.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		44.758.300.275	24.386.221.422
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(114.691.854.270)	310.599.211.222



Mẫu số B 03a – DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		2.667.170.490.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33		36.386.460.316	10.212.454.206
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(50.089.441.548)	(108.573.071.371)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		2.653.467.508.768	(98.360.617.165)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		633.172.464.249	(11.712.745.610)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		23.082.984.226	25.724.138.582
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	VII	656.255.448.475	14.011.392.972

Lập, ngày 29 tháng 08 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Chủ tịch HĐQT

Huỳnh Minh Trường

Phạm Hữu Quốc



Phạm Minh Tuấn



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bamboo Capital là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311315789 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/11/2011 và thay đổi lần thứ 30 ngày 26/06/2024.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 8.001.966.250.000 VND

Vốn góp của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024: 8.001.966.250.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty hiện được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán “BCG”.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh chính

Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (trừ không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối quy định tại Thông tư 34/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013). Bán buôn thực phẩm, chi tiết: Bán buôn sữa, các sản phẩm từ sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột, cà phê, cacao (trừ không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối quy định tại Thông tư 34/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013) (không hoạt động tại trụ sở). Kinh doanh bất động sản (trừ: không thực hiện hoạt động đầu tư xây dựng hạ tầng nghỉ trang, nghỉ địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng), quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Cho thuê ô tô. Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Xây dựng nhà các loại. Xây dựng công trình công ích. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chuẩn bị mặt bằng. Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Hoàn thiện công trình xây dựng. Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ. Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác. Sản xuất đồ gỗ xây dựng. Khai thác quặng sắt. Khai thác quặng uranium và quặng thorium. Cung cấp các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ và thực hiện các hoạt động đầu tư.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Không có đặc điểm hoạt động nào gây ảnh hưởng trọng yếu cần thiết phải công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Các số liệu tương ứng của kỳ kế toán trước so sánh được với số liệu của kỳ kế toán này.

7. Số lượng nhân viên

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty có 90 nhân viên (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 83 nhân viên).

8. Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30/06/2024, Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital có 01 (một) văn phòng đại diện, 09 (chín) Công ty con kiểm soát trực tiếp và 31 (ba mươi một) Công ty con kiểm soát gián tiếp thông qua Công ty con. Ngoài ra, Công ty liên kết sở hữu trực tiếp và 07 (bảy) Công ty liên kết sở hữu gián tiếp thông qua Công ty con.

a. Danh sách văn phòng đại diện

Tên đơn vị	Địa chỉ
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bamboo Capital tại TP. Hà Nội	Số 44 Nguyễn Thái Học, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội.

b. Danh sách các Công ty con trực tiếp

Tên đơn vị	Nơi đăng ký hoạt động	Ngành nghề kinh doanh chính	Ngày 30/06/2024		Ngày 01/01/2024	
			Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải (1)	TP. Hồ Chí Minh	Xây dựng công trình đường bộ	51,70%	43,90%	51,70%	43,90%
Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	Tỉnh Bình Định	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	55,64%	53,29%	55,64%	53,29%
Công ty Cổ phần BCG Land (2)	TP. Hồ Chí Minh	Xây dựng nhà ở	71,53%	66,24%	71,53%	66,24%
Công ty Cổ phần BCG Energy (3)	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất điện	51,41%	47,71%	50,66%	50,66%
Công ty Cổ phần BCG Khu công nghiệp Cát Trinh	Tỉnh Bình Định	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	80,00%	80,00%	80,00%	80,00%
Công ty Cổ phần BCG Financial	TP. Hồ Chí Minh	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đầu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội)	80,00%	80,00%	80,00%	80,00%
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm AAA (4)	TP. Hồ Chí Minh	Cung cấp các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ và thực hiện các hoạt động đầu tư	75,79%	73,86%	80,64%	78,71%
Công ty TNHH MTV Helios Village (5)	Tỉnh Đắk Nông	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê			100,00%	100,00%
Công ty TNHH Phoenix Mountain	Tỉnh Bình Định	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	100,00%	86,59%	100,00%	86,59%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco (6)	Tỉnh Tiền Giang	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu	51,14%	21,01%		



b. Danh sách các Công ty con trực tiếp (Tiếp theo)

Ghi chú:

- (1) Theo các văn bản ủy quyền biểu quyết ngày 13/06/2023 và ngày 01/01/2024, các Cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải đã ủy quyền khoảng 7,8% quyền biểu quyết cho Công ty. Theo đó, Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital nắm giữ 51,7% quyền biểu quyết trong Công ty này.
- (2) Theo văn bản ủy quyền biểu quyết ngày 06/06/2024, Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bamboo Capital đã ủy quyền 11% quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần BCG Land cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải. Tổng quyền biểu quyết trực tiếp và gián tiếp đối với Công ty Cổ phần BCG Land mà Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital nắm giữ là 71,53% quyền biểu quyết.
- (3) Thực hiện Nghị quyết HĐQT số 48/2024/NQ-HĐQT-BCG ngày 03/06/2024, Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bamboo Capital đã thoái phần vốn góp tương ứng 2,95% vốn góp của chủ sở hữu Công ty Cổ phần BCG Energy, giảm tỷ lệ sở hữu xuống còn 47,71%.
Theo các văn bản ủy quyền biểu quyết ngày 11/06/2024, các Cổ đông của Công ty Cổ phần BCG Energy đã ủy quyền khoảng 3,7% quyền biểu quyết cho Công ty. Theo đó, Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital nắm giữ 51,41% quyền biểu quyết trong Công ty này.
- (4) Thực hiện Nghị quyết HĐQT số 06/2024/NQ-HĐQT-BCG ngày 18/01/2024, Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bamboo Capital đã góp vốn bổ sung vào Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm AAA theo phương thức chào bán cho cổ đông hiện hữu do Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm AAA phát hành theo thông báo số 01/2024/TB-AAA/HĐQT. Giá trị đầu tư thêm trong kỳ là 193.058.100.000 đồng tương đương với 19.305.810 cổ phần, tỷ lệ sau đợt góp vốn là 66,15%. Ngoài ra, Công ty còn có quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty con là 9,64%, nâng tổng tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty lên 75,79%.
- (5) Thực hiện Nghị quyết HĐQT số 03/2024/NQ-HĐQT-BCG ngày 11/01/2024, Công ty đã thoái phần vốn góp tương ứng 51% vốn điều lệ tại Công ty TNHH Helios Village ("Helios Village"), giảm tỷ lệ sở hữu xuống còn 49%. Theo đó, chuyển mối quan hệ với Công ty Helios Village từ đầu tư vào Công ty con sang đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết.
- (6) Theo các văn bản ủy quyền biểu quyết ngày 05/04/2024, các Cổ đông của Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco đã ủy quyền khoảng 30,13% quyền biểu quyết cho Công ty. Theo đó, Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital nắm giữ 51,14% quyền biểu quyết trong Công ty này. Theo đó, chuyển mối quan hệ với Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco từ đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết sang đầu tư vào Công ty con.

c. Danh sách các Công ty con gián tiếp

Tên đơn vị	Nơi đăng ký hoạt động	Ngành nghề kinh doanh chính	Ngày 30/06/2024		Ngày 01/01/2024	
			Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Liên doanh Khai thác và Chế biến Vật liệu Xây dựng An Giang	Tỉnh An Giang	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	51,00%	21,95%	51,00%	21,95%
Công ty Cổ phần Nước Sạch Life Purity	TP. Hồ Chí Minh	Khai thác đá, xử lý và cung cấp nước	51,00%	22,39%	51,00%	22,39%
Công ty Cổ phần TCD Plus	TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	80,00%	35,12%	80,00%	35,12%
Công ty Taxi Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	51,00%	22,39%	51,00%	22,39%
Công ty TNHH Tracodi E&C	TP. Hồ Chí Minh	Xây dựng công trình đường bộ	99,80%	43,81%	99,80%	43,81%
Công ty Cổ phần Thành Phúc	Tỉnh Phú Yên	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	95,00%	50,63%	95,00%	50,63%
Công ty Cổ phần Tapiotek	Tỉnh Tây Ninh	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	51,00%	27,18%	51,00%	27,18%
Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort	Tỉnh Bình Định	Kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn	70,00%	46,37%	70,00%	46,37%
Công ty Cổ phần Thương Mại Vxperia	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo	65,00%	43,05%	65,00%	43,05%
Công ty Cổ phần Sao Sáng Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản	65,00%	43,05%	65,00%	43,05%
Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	Tỉnh Quảng Nam	Kinh doanh bất động sản	89,00%	58,95%	89,00%	58,95%
Công ty TNHH Du lịch Sinh Thái Côn Bắp	Tỉnh Quảng Nam	Kinh doanh bất động sản	50,10%	33,18%	50,10%	33,18%
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	Tỉnh Sóc Trăng	Sản xuất điện	90,00%	42,94%	90,00%	45,59%
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thanh Hóa	Tỉnh Long An	Sản xuất đồ điện dân dụng	91,84%	43,82%	91,84%	46,52%
Công ty Cổ phần Skylar	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất điện	99,00%	47,24%	99,00%	50,15%
Công ty Cổ phần Phát triển Tâm nhìn Năng Lượng Sạch (7)	Tỉnh Bình Định	Sản xuất điện	51,00%	19,70%	51,00%	20,91%

c. Danh sách các Công ty con gián tiếp (Tiếp theo)

Tên đơn vị	Nơi đăng ký hoạt động	Ngành nghề kinh doanh chính	Ngày 30/06/2024		Ngày 01/01/2024	
			Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Greensky Infinitive	TP. Hồ Chí Minh	Lắp đặt hệ thống xây dựng điện	99,80%	47,14%	99,80%	50,05%
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	Tỉnh Gia Lai	Sản xuất điện	100,00%	45,84%	100,00%	47,35%
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	Tỉnh Trà Vinh	Sản xuất điện	100,00%	47,67%	100,00%	50,61%
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	Tỉnh Trà Vinh	Sản xuất điện	100,00%	47,68%	100,00%	50,62%
Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất điện	99,00%	47,24%	99,00%	50,15%
Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long	Tỉnh Vĩnh Long	Sản xuất điện	50,50%	24,09%	50,50%	25,58%
Công ty Cổ phần Herb Solar	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất điện	69,00%	32,59%	69,00%	34,60%
Công ty Cổ phần Orchid Solar	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất điện	69,00%	32,59%	69,00%	34,60%
Công ty Cổ phần Violet Solar	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất điện	69,00%	32,59%	69,00%	34,60%
Công ty Cổ phần BCG GAIA	TP. Hồ Chí Minh	Hoạt động tư vấn quản lý	50,97%	23,97%	50,97%	25,45%
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Bằng Dương	Tỉnh Long An	Sản xuất điện	100,00%	24,07%	100,00%	25,55%
Công ty Cổ phần Năng lượng Hamwha - BCG Bằng Dương	Tỉnh Long An	Sản xuất điện	100,00%	24,07%	100,00%	25,55%
Công ty Cổ phần Phát triển Điện Gia Huy	TP. Hà Nội	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	99,80%	47,14%	99,80%	50,05%
Công ty Cổ phần BCG Điện gió Điện Biên Đông	Tỉnh Điện Biên	Sản xuất điện	99,98%	47,70%		
Công ty Cổ phần Aton	TP. Hồ Chí Minh	Truyền tải và phân phối điện	90,00%	44,56%		

Ghi chú:

(7) Theo các vấn bản ủy quyền biểu quyết vô điều kiện và không hủy ngang trong năm 2021, một số Cổ đông đã ủy quyền quyền biểu quyết tương ứng 9,72% tổng số quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Phát triển Tâm nhìn Năng lượng Sạch cho Công ty Cổ phần BCG Energy. Theo đó, Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital nắm giữ 51% quyền biểu quyết gián tiếp thông qua công ty con - Công ty Cổ phần BCG Energy trong Công ty này.



d. Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết trực tiếp

Tên đơn vị	Nơi đăng ký hoạt động	Ngành nghề kinh doanh chính	Ngày 30/06/2024		Ngày 01/01/2024	
			Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH B.O.T ĐT 830	Tỉnh Long An	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	38,00%	38,00%	38,00%	38,00%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco (6)	Tỉnh Tiền Giang	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu			21,01%	21,01%
Công ty TNHH Helios Village (5)	Tỉnh Đắk Nông	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	49,00%	49,00%		

e. Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết kiểm soát gián tiếp thông qua Công ty con

Tên đơn vị	Nơi đăng ký hoạt động	Ngành nghề kinh doanh chính	Ngày 30/06/2024		Ngày 01/01/2024	
			Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Skylight Power	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất điện	50,00%	23,86%	50,00%	25,33%
Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất điện	49,00%	23,38%	49,00%	24,82%
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang	TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản	49,00%	32,46%	49,00%	32,46%
Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất điện	50,00%	23,62%	50,00%	25,08%
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Phát Triển Sơn Long	Tỉnh Quảng Ninh	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	40,63%	17,83%	40,63%	17,83%
Công ty Cổ phần Bất Động Sản An Giang	Tỉnh An Giang	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	36,71%	27,12%	36,71%	28,90%
Công ty Cổ phần Đầu Tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa	TP. Hồ Chí Minh	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	45,00%	21,47%		



II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán sáu tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06.

2. Đơn vị tiền tệ

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là Đồng Việt Nam (“VND” hoặc “Đồng”).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày báo cáo, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch hoặc tỷ giá bình quân gia quyền di động.

117
NG
TINH
VUT
NH K
IEM
IA N
P H

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ;

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài Công ty nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng đầu tư tài chính: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi cần được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính.



b. Đầu tư vào công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không.

Đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Ban điều hành thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

c. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc giá trị góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Ban điều hành thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

d. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban điều hành thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

e. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối kỳ kế toán khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính tương tự như dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con và công ty liên kết.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.



Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản cho vay

Cho vay là các khoản cho vay với mục đích thu lãi hàng kỳ theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban điều hành thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản còn chưa thu để ghi nhận dự phòng các khoản cho vay khó đòi vào cuối kỳ kế toán. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Phân loại các khoản cho vay khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản cho vay có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản cho vay có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định ("TSCĐ")

a. Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương án đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

	<u>Số năm khấu hao ước tính</u>
- Máy móc thiết bị	03
- Phương tiện vận tải	04 - 06
- Thiết bị văn phòng	02 - 05

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá, khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

b. Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03-10 năm.

6. Nguyên tắc ghi nhận các Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận tài sản trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước;
- Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước.

8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ kế toán nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa chi phí đi vay

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm các khoản tiền vay và nợ thuê tài chính từ các ngân hàng, công ty tài chính và các đối tượng khác.

Phân loại các khoản phải vay và nợ phải trả thuê tài chính khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại hơn 12 tháng được phân loại là dài hạn.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

10. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu thường

Trái phiếu thường được ghi nhận và theo dõi như khoản vay của doanh nghiệp kể từ khi thực thu được tiền từ đợt phát hành đến khi hoàn tất việc thanh toán cho trái chủ.

Khi lập Báo cáo tài chính, trên Bảng cân đối kế toán trong phần nợ phải trả thì chỉ tiêu trái phiếu phát hành được phản ánh trên cơ sở thuần (xác định bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu).

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu được ghi giảm mệnh giá của trái phiếu. Định kỳ, kế toán phân bổ chi phí phát hành trái phiếu bằng cách ghi tăng giá trị mệnh giá trái phiếu và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa phù hợp với việc ghi nhận lãi vay phải trả của trái phiếu.



11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

b. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

50112
CÔNG
TNH
HVUT
HINH K
KIEM T
PHIA NA
T.P HC

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

a. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

b. Thu nhập lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

c. Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức và lợi nhuận từ các đơn vị đầu tư.

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư,... được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ kế toán chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí lãi vay, lãi trái phiếu, chi phí đi vay và phát hành trái phiếu, chi phí phải trả theo hợp đồng hợp tác đầu tư, dự phòng đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và chi phí tài chính khác.



15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác,...

16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

18. Công cụ tài chính

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

19. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Ngày 30/06/2024</u>	<u>Ngày 01/01/2024</u>
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	636.255.448.475	12.672.984.226
- Các khoản tương đương tiền (*)	20.000.000.000	10.410.000.000
Cộng	<u>656.255.448.475</u>	<u>23.082.984.226</u>

Ghi chú:

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 30/06/2024 bao gồm khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Phương Đông, lãi suất từ 3,4%/năm đến 3,6%/năm.

2. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<u>Ngày 30/06/2024</u>	<u>Ngày 01/01/2024</u>
a. Ngắn hạn	15.519.667.374	20.913.010.602
- Công ty Cổ phần BCG Energy	6.754.867.374	5.372.067.374
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	1.812.000.000	2.432.343.228
- Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	-	5.800.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	-	4.100.000.000
- Công ty Cổ phần BCG Land	5.311.200.000	2.665.600.000
- Các khách hàng khác	1.641.600.000	543.000.000

b. Dài hạn

c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

(Chi tiết khoản mục này được trình bày tại Thuyết minh VIII.1.c).

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>Ngày 30/06/2024</u>	<u>Ngày 01/01/2024</u>
a. Ngắn hạn	5.834.711.408	5.843.111.360
- Các khách hàng khác	5.834.711.408	5.843.111.360
b. Dài hạn	-	-

0117
ÔNG T
TNHH
VỤ T
NH KẾ
HỆM TO
IA NAM
PHỐ C

4. PHẢI THU VỀ CHO VAY

		Ngày 30/06/2024	Ngày 01/01/2024
a. Ngắn hạn		72.789.600.000	6.152.000.000
- Công ty Cổ phần BCG Energy	(1)	72.789.600.000	-
- Công ty Cổ phần HTC Holding		-	6.152.000.000
b. Dài hạn		883.800.000.000	594.100.000.000
- Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	(2)	247.000.000.000	247.000.000.000
- Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	(2)	253.000.000.000	253.000.000.000
- Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	(3)	333.500.000.000	62.500.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	(4)	50.300.000.000	31.600.000.000

Ghi chú:

(1) Đây là khoản cho Công ty con vay theo hợp đồng vay số 01/2024/HĐV/BCG-BCGE ngày 03/06/2024. Thời hạn của khoản vay là 12 tháng. Lãi suất 10%/năm. Mục đích để bổ sung vốn lưu động của bên vay. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(2) Đây là các khoản cho vay theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng vay ngày 19/11/2021 và các phụ lục kèm theo với Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 2. Thời hạn của khoản vay là 05 năm. Lãi suất được hai bên thỏa thuận theo hợp đồng và các phụ lục điều chỉnh. Mục đích vay để thanh toán một phần tiền của giá trị hợp đồng mua sắm, lắp đặt thiết bị và thi công công trình nhà máy điện gió Đông Thành 2 tại tỉnh Trà Vinh. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

- Hợp đồng vay ngày 19/11/2021 và các phụ lục kèm theo với Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng. Thời hạn của khoản vay là 05 năm. Lãi suất được hai bên thỏa thuận theo hợp đồng và các phụ lục điều chỉnh. Mục đích vay để thanh toán một phần tiền của giá trị hợp đồng mua sắm, lắp đặt thiết bị và thi công công trình nhà máy điện gió BCG Sóc Trăng 1 tại tỉnh Sóc Trăng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(3) Đây là khoản cho Công ty con vay theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng vay tiền số 05/2023/HĐVT-BCG-IHA ngày 22/08/2023. Thời hạn vay là 24 tháng. Lãi suất 11%/năm. Mục đích khoản cho vay để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của bên vay. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

- Hợp đồng vay vốn số 01/2023/HĐVV/BCG-IHA ngày 10/02/2023 và các Phụ lục hợp đồng kèm theo. Thời hạn vay là 05 năm. Lãi suất 11%/năm. Mục đích để bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh (bao gồm nhưng không giới hạn việc trả nợ vay, trả nợ nhà thầu, nhà cung cấp, chi phí xây dựng,...). Đây là khoản vay tín chấp.

(4) Đây là khoản cho Công ty con vay theo hợp đồng vay tiền số 0510/2023/HĐVT-BCG-TCD ngày 05/10/2023. Thời hạn vay là 24 tháng. Lãi suất 10%/năm. Mục đích để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh - cụ thể là: tham gia đầu tư dự án khai thác chế biến mỏ đá xây dựng Núi Kiết. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Ngày 30/06/2024		Ngày 01/01/2024		
	Giá trị gốc	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị gốc	Dự phòng
a. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	30.720.000.000	30.720.000.000	-	1.700.000.000	-
a.1. Ngắn hạn	30.720.000.000	30.720.000.000	-	1.700.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Chiểu	-	-	-	980.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (*)	720.000.000	720.000.000	-	720.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông (**)	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-	-
a.2. Dài hạn	-	-	-	-	-
Cộng	30.720.000.000	30.720.000.000	-	1.700.000.000	-

Ghi chú:

(*) Tại ngày 30/06/2024 đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội.

(**) Tại ngày 30/06/2024 đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại Ngân hàng TMCP Phương Đông.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL

27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2024

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Ngày 30/06/2024		Ngày 01/01/2024	
	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá trị gốc
				Dự phòng
b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	9.747.203.277.738	(91.061.794.647)	9.973.145.177.738	(98.918.885.100)
b.1 Đầu tư vào công ty con	9.467.823.601.445	(43.486.775.299)	9.860.571.501.445	(36.905.245.275)
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	(1) 1.348.987.070.067	-	(*) 1.348.987.070.067	- (*)
+ Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	236.698.053.098	-	(*) 236.698.053.098	- (*)
+ Công ty Cổ phần BCG Land	(1) 2.856.400.000.000	-	(*) 2.856.400.000.000	- (*)
+ Công ty Cổ phần BCG Energy	(1) 3.483.000.000.000	-	(*) 3.698.000.000.000	- (*)
+ Công ty Cổ phần BCG Khu công nghiệp Cát Trinh	384.000.000.000	-	(*) 384.000.000.000	- (*)
+ Công ty Cổ phần BCG Financial	320.000.000.000	-	(*) 320.000.000.000	- (*)
+ Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm AAA	509.544.478.280	(43.486.775.299)	(*) 316.486.378.280	(36.905.245.275)
+ Công ty TNHH Phoenix Mountain	(2) 300.000.000.000	-	(*) 300.000.000.000	- (*)
+ Công ty TNHH Helios Village	-	-	(*) 400.000.000.000	- (*)
+ Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco	29.194.000.000	-	(*) -	- (*)
b.2 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	277.700.000.000	(47.575.019.348)	110.894.000.000	(62.013.639.825)
+ Công ty TNHH B.O.T ĐT 830	81.700.000.000	(47.575.019.348)	(*) 81.700.000.000	(62.013.639.825)
+ Công ty TNHH Helios Village	196.000.000.000	-	(*) -	- (*)
+ Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco	-	-	(*) 29.194.000.000	- (*)
b.3 Đầu tư vào các đơn vị khác	1.679.676.293	-	1.679.676.293	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Tài sản Việt Nam	69.210.933	-	(*) 69.210.933	- (*)
+ Công ty Cổ phần Phát triển Nguồn lực & DV Dầu khí VN	99.945.360	-	(*) 99.945.360	- (*)
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Năng lượng VN	360.000.000	-	(*) 360.000.000	- (*)
+ Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Băng Dương	(2) 365.520.000	-	(*) 365.520.000	- (*)
+ Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	(2) 785.000.000	-	(*) 785.000.000	- (*)
Cộng	9.747.203.277.738	(91.061.794.647)	9.973.145.177.738	(98.918.885.100)

32
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL
PHÒNG KẾ TOÁN

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú:

(*) Tại ngày 01/01/2024 và ngày 30/06/2024, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để trình bày thuyết minh do không áp dụng được giá niêm yết trên thị trường chứng khoán và/hoặc các quy định về Chế độ kế toán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý có sử dụng kỹ thuật định giá.

(1) Một phần khoản vốn góp này được Công ty dùng để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng của bên thứ ba.

(2) Toàn bộ khoản vốn góp này được Công ty dùng để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng của bên thứ ba.



6. PHẢI THU KHÁC

	Ngày 30/06/2024		Ngày 01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	60.146.542.819	-	77.233.944.516	-
- Phải thu người lao động (tạm ứng)	174.517.985	-	113.332.402	-
- Ký cược, ký quỹ	19.000.000	-	19.000.000	-
- Phải thu từ lãi cho vay	30.944.316.713	-	28.146.087.675	-
+ Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	14.244.038.356	-	13.909.490.411	-
+ Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	13.228.290.414	-	12.022.427.400	-
+ Đối tượng khác	3.471.987.943	-	2.214.169.864	-
- Phải thu từ gốc BCC	22.500.000.000	-	40.500.000.000	-
+ Công ty TNHH B.O.T ĐT 830 (*)	22.500.000.000	-	40.500.000.000	-
- Phải thu từ lãi BCC	913.301.369	-	913.301.369	-
+ Công ty TNHH B.O.T ĐT 830 (*)	913.301.369	-	913.301.369	-
- Phải thu khác	5.595.406.752	-	7.542.223.070	-
+ Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	5.475.000.000	-	5.475.000.000	-
+ Đối tượng khác	120.406.752	-	2.067.223.070	-
b. Dài hạn	726.827.373	-	726.827.373	-
- Ký cược, ký quỹ	726.827.373	-	726.827.373	-
Cộng	60.873.370.192	-	77.960.771.889	-

Ghi chú:

(*) Là khoản tiền chuyển cho Công ty TNHH B.O.T ĐT 830 để đầu tư Dự án nâng cấp mở rộng ĐT.830 và ĐT.824 tại Long An theo Hợp đồng hợp tác số 01/2019/HĐ-BOT830/HTĐT ngày 18/12/2019 có thời hạn dự kiến là 05 năm. Tài sản đã được thế chấp cho khoản vay tại Ngân Hàng TMCP Tiên Phong của Công ty (xem tại Thuyết minh V.10) và bên thứ ba. Tỷ lệ phân chia lợi nhuận căn cứ vào kết quả đầu tư thực tế nhưng không thấp hơn 11%/năm.



7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
I. Nguyên giá				
1. Số dư đầu năm	60.000.000	12.706.612.182	1.028.261.655	13.794.873.837
2. Số tăng trong kỳ	-	-	34.454.545	34.454.545
- Mua trong kỳ	-	-	34.454.545	34.454.545
3. Số giảm trong kỳ	-	542.600.000	-	542.600.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	542.600.000	-	542.600.000
4. Số dư cuối kỳ	60.000.000	12.164.012.182	1.062.716.200	13.286.728.382
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
1. Số dư đầu năm	60.000.000	6.927.506.772	844.276.436	7.831.783.208
2. Tăng trong kỳ	-	806.014.098	67.716.723	873.730.821
- Khấu hao tăng trong kỳ	-	806.014.098	67.716.723	873.730.821
3. Giảm trong kỳ	-	542.600.000	-	542.600.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	542.600.000	-	542.600.000
4. Số dư cuối kỳ	60.000.000	7.190.920.870	911.993.159	8.162.914.029
III. Giá trị còn lại				
1. Số dư đầu năm	-	5.779.105.410	183.985.219	5.963.090.629
2. Số dư cuối kỳ	-	4.973.091.312	150.723.041	5.123.814.353

Ghi chú:

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 969.878.191 VND (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 1.209.360.469 VND) đã được thế chấp tại Ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Xem thuyết minh V.10).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 3.008.649.655 VND (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 3.551.249.655 VND).

011725
 CÔNG TY
 TNHH
 TƯ VẤN
 VÀ TƯ VẤN
 KIỂM TOÁN
 HÓA NAM
 T.P.HỒ C

8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
1. Số dư đầu năm	2.734.054.546	2.734.054.546
2. Số tăng trong kỳ	-	-
3. Số giảm trong kỳ	-	-
4. Số dư cuối kỳ	2.734.054.546	2.734.054.546
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
1. Số dư đầu năm	385.997.878	385.997.878
2. Tăng trong kỳ	132.855.000	132.855.000
- Khấu hao tăng trong kỳ	132.855.000	132.855.000
3. Giảm trong kỳ	-	-
4. Số dư cuối kỳ	518.852.878	518.852.878
III. Giá trị còn lại		
1. Số dư đầu năm	2.348.056.668	2.348.056.668
2. Số dư cuối kỳ	2.215.201.668	2.215.201.668

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Ngày 30/06/2024	Ngày 01/01/2024
a. Ngắn hạn	907.703.976	168.310.422
- Chi phí khác	907.703.976	168.310.422
b. Dài hạn	2.808.589.291	2.934.991.618
- Chi phí sửa chữa	1.073.019.421	1.442.871.413
- Chi phí công cụ, dụng cụ	233.069.870	312.120.203
- Chi phí bảo hiểm	1.060.000.000	1.180.000.000
- Phần mềm tin học	442.500.000	-



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL

27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2024**10. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	Ngày 01/01/2024		Trong kỳ		Ngày 30/06/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	41.285.639.778	41.285.639.778	36.386.460.316	50.089.441.548	27.582.658.546	27.582.658.546
a.1 Vay ngắn hạn	28.898.193.882	28.898.193.882	36.386.460.316	49.895.718.600	15.388.935.598	15.388.935.598
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bà Chiểu	12.920.765.588	12.920.765.588	4.556.410.470	17.477.176.058	-	-
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam	15.977.428.294	15.977.428.294	31.830.049.846	32.418.542.542	15.388.935.598	15.388.935.598
a.2 Vay dài hạn đến hạn trả	12.387.445.896	12.387.445.896	-	193.722.948	12.193.722.948	12.193.722.948
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	178.350.000	178.350.000	-	89.175.000	89.175.000	89.175.000
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	12.000.000.000	12.000.000.000	-	-	12.000.000.000	12.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	209.095.896	209.095.896	-	104.547.948	104.547.948	104.547.948
b. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	498.267.034.443	498.267.034.443	349.999.998	-	498.617.034.441	498.617.034.441
b.1 Vay dài hạn	425.367.784	425.367.784	-	-	425.367.784	425.367.784
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	59.450.000	59.450.000	-	-	59.450.000	59.450.000
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	365.917.784	365.917.784	-	-	365.917.784	365.917.784
b.2 Trái phiếu thường	497.841.666.659	497.841.666.659	349.999.998	-	498.191.666.657	498.191.666.657
- Loại phát hành theo mệnh giá	500.000.000.000	500.000.000.000	-	-	500.000.000.000	500.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	(2.158.333.341)	(2.158.333.341)	349.999.998	-	(1.808.333.343)	(1.808.333.343)



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL

27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2024

10. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú:

(1) Đây là khoản vay tại Công ty cổ phần chứng khoán ngân hàng Công Thương Việt Nam theo hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ ngày 23/11/2023. Hạn mức cho vay là 20 tỷ đồng. Thời hạn cho vay là 90 ngày kể từ ngày giải ngân khoản vay. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của Công ty là 6.670.439 cổ phiếu mã "TCD".

(2) Đây là khoản vay tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong theo hợp đồng vay số 60/2019/HDTD/TTKHDNLMN2/01 ngày 23/12/2019. Hạn mức tín dụng là 60 tỷ đồng. Thời hạn vay 60 tháng. Mục đích là góp vốn hợp tác thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng ĐT 830 và ĐT 824 từ cầu An Thạnh đến thị trấn Đức Hoà tỉnh Long An theo hình thức hợp đồng BOT. Tài sản đảm bảo là dự án nâng cấp, mở rộng ĐT 830 và ĐT 824 từ cầu An Thạnh đến thị trấn Đức Hòa, Tỉnh Long An (xem mục V.06 thuyết minh báo cáo tài chính riêng này). Lãi suất 3 tháng đầu tiên là 10,4%/năm, lãi các kỳ tiếp theo được điều chỉnh định kỳ 3 tháng 1 lần và bằng lãi suất cơ sở trung hạn 3 tháng (KHĐN) của TPbank tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 4%/năm.

(3) Đây là khoản vay tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín theo hợp đồng tín dụng ký ngày 20/04/2020. Mục đích vay mua xe ô tô doanh nghiệp. Khoản vay này được đảm bảo bằng phương tiện vận tải của công ty. Lãi suất 6 tháng đầu tiên là 10,8%/năm, từ tháng thứ 7 trở đi lãi suất sẽ được áp dụng theo mức lãi suất tiền gửi cá nhân 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ của số tiền huy động bậc thang cao nhất của Sacombank + biên độ 3%/năm và được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần.

(4) Đây là khoản vay tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong theo hợp đồng vay số 213/2020/HDTD/GDH/01 ngày 09/09/2020 mục đích để vay mua 2 xe ô tô mục đích đi lại và chờ cán bộ công nhân viên. Thời hạn vay là 72 tháng kể từ ngày 10/09/2020 đến ngày 09/09/2026. Lãi suất áp dụng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên cho đến ngày 09/09/2021 là 9,4%/năm, Lãi các kỳ tiếp theo sẽ được điều chỉnh 3 tháng 1 lần bằng lãi suất cơ sở 03 tháng VND của TPbank tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 4,6%/năm.

(5) Xem thuyết minh V.11

11. TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH

	Ngày 01/01/2024		Ngày 30/06/2024	
	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn	Lãi suất
- Loại phát hành theo mệnh giá	(1) 500.000.000.000	12,3%	5 năm	10,95%
Cộng	500.000.000.000			

(1) Trái phiếu chào bán ra công chúng và đã được niêm yết tại HNX với Mã trái phiếu là BCG122006. Mệnh giá: 100.000 đồng/Trái phiếu. Kỳ hạn trái phiếu: 5 năm. Loại hình trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, và không có đảm bảo. Trái phiếu có lãi suất kết hợp lãi suất cố định và lãi suất thả nổi được xác định như sau: 2 kỳ tính lãi đầu tiên là 11,5%/năm. Các kỳ tính lãi tiếp theo sau 2 kỳ tính lãi đầu tiên là lãi suất thả nổi được xác định theo công thức như sau: Lãi suất = lãi suất tham chiếu tại kỳ tính lãi đó + biên độ 6%/năm.



12. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	Ngày 30/06/2024		Ngày 01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	21.247.381.842	21.247.381.842	19.229.406.817	19.229.406.817
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	12.808.920.842	12.808.920.842	14.072.766.945	14.072.766.945
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương Mại Shuaa	2.705.511.602	2.705.511.602	2.621.757.602	2.621.757.602
- Các khách hàng khác	5.732.949.398	5.732.949.398	2.534.882.270	2.534.882.270
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	21.247.381.842	21.247.381.842	19.229.406.817	19.229.406.817

c. Phải trả người bán là các bên liên quan

(Chi tiết khoản mục này được trình bày tại Thuyết minh VIII.1.c).

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Ngày 01/01/2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Ngày 30/06/2024
	a. Phải nộp	377.473.419	2.519.453.022	2.666.391.186
Thuế giá trị gia tăng	25.572.344	121.752.131	147.231.887	92.588
Thuế thu nhập cá nhân	351.901.075	2.390.794.026	2.512.252.434	230.442.667
Thuế khác	-	6.906.865	6.906.865	-
	Ngày 01/01/2024	Phát sinh giảm	Phát sinh tăng	Ngày 30/06/2024
b. Phải thu	1.063.777	-	-	1.063.777
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.063.777	-	-	1.063.777

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngày 30/06/2024	Ngày 01/01/2024
	a. Ngắn hạn	29.652.055.040
- Trích trước chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	24.610.229.599	28.001.119.674
- Trích trước lãi hợp đồng hợp tác kinh doanh	5.041.825.441	5.041.825.441
- Các khoản khác	-	1.550.000.000
b. Dài hạn	-	-
Cộng	29.652.055.040	34.592.945.115

15. PHẢI TRẢ KHÁC

		Ngày 30/06/2024	Ngày 01/01/2024
a. Ngắn hạn		536.164.412.211	2.232.720.193.960
- KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN		299.782.880	236.472.640
- Phải trả khác		535.864.629.331	2.232.483.721.320
+ Công ty TNHH Kinh Doanh Dịch vụ BĐS Thăng Long	(1)	207.264.200.000	378.000.000.000
+ Công ty Cổ phần BCG Financial	(2)	282.500.000.000	282.500.000.000
+ Công ty Cổ phần Tư Vấn Thiết kế xây dựng Tâm Nhìn Mới		-	1.425.000.000.000
+ Trần Thuỳ Dung	(3)	30.037.000.000	30.920.300.000
+ Các đối tượng khác		16.063.429.331	116.063.421.320
b. Dài hạn		1.378.646.000.000	1.563.052.000.000
- Phải trả gốc từ BCC		1.378.646.000.000	1.563.052.000.000
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ Chi Thủy	(4)	425.656.000.000	520.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang	(5)	104.000.000.000	104.000.000.000
+ Công ty Cổ phần BCG Land	(6)	420.000.000.000	420.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Artemis Investment	(7)	428.990.000.000	279.500.000.000
+ Công ty Cổ phần Artemis Investment		-	239.552.000.000

Ghi chú:

(1) Là khoản phải trả của Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 07/2021/HĐHTKD-BCG-BDSTL ngày 10/03/2021 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital và Công ty TNHH Kinh Doanh Dịch vụ BĐS Thăng Long. Mục đích góp vốn đầu tư vào dự án bất động sản thuộc sở hữu hoặc phát triển bởi Công ty Cổ phần BCG Khu công nghiệp Cát Trinh. Căn cứ các biên bản làm việc trong năm 2022 thì các bên thống nhất không tiếp tục thực hiện hợp đồng, thời hạn hoàn trả toàn bộ dư nợ gốc tối đa 18 tháng kể từ ngày 16/12/2022. Tại thời điểm phát hành báo cáo, Công ty đã tắt toán toàn bộ khoản phải trả.

(2) Là khoản phải trả theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 1509/2021/HĐHTKD/BCG-BCGF ngày 15/09/2021 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital và Công ty Cổ phần BCG Financial. Mục đích để cùng hợp tác vào Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm AAA. Căn cứ các biên bản làm việc trong năm 2022 thì các bên thống nhất không tiếp tục thực hiện hợp đồng, thời hạn hoàn trả toàn bộ dư nợ gốc tối đa 18 tháng kể từ ngày 31/12/2022. Tại thời điểm phát hành báo cáo, Công ty đã tắt toán toàn bộ khoản phải trả.

(3) Đây là khoản phải trả theo Hợp đồng mượn tiền số 05/2022/HĐMT-BCG-TTD ngày 21/09/2022 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital và Trần Thuỳ Dung. Tại thời điểm phát hành báo cáo, Công ty đã tắt toán toàn bộ khoản phải trả.

(4) Đây là khoản phải trả theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 25.04/2022/HĐ-HTĐT ngày 25/04/2022 và các Phụ lục hợp đồng giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital và Công ty Cổ phần Dịch vụ Chi Thủy. Mục đích đầu tư vào Dự án Khu dân cư Tổ 5, Phường Nghĩa Phú, tại Phường Nghĩa Phú, Thành phố Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông do Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital làm chủ đầu tư. Thời gian thực hiện 48 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lợi nhuận cam kết 10,03%/năm trên số tiền hợp tác từ ngày ký hợp đồng đến ngày 30/06/2022, kể từ ngày 01/07/2022 trở đi lợi nhuận phân chia dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ góp vốn hợp tác.



15. PHẢI TRẢ KHÁC (TIẾP THEO)

(5) Đây là khoản phải trả theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2510/HTĐT-GK-BCG ngày 25/10/2021 giữa Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bamboo Capital và Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang về việc đầu tư vào Dự án Điểm du lịch số 2A do Công ty TNHH Phoenix Mountain làm chủ đầu tư. Thời gian hợp tác là 04 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Lợi nhuận phân chia dựa vào kết quả hoạt động kinh doanh của dự án tại thời điểm phân chia lợi nhuận, sau khi kết thúc dự án hai bên sẽ thống nhất tỷ lệ phân chia lợi nhuận bằng văn bản dựa theo tình hình kết quả hoạt động của dự án.

(6) Đây là khoản phải trả theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 1805/2022/HĐ-HTĐT-BCG-HL ngày 18/05/2022 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital và Công ty Cổ phần BCG Land về việc đầu tư vào Dự án Khu dân cư Tổ 5, Phường Nghĩa Phú, tại Phường Nghĩa Phú, Thành phố Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông do Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital làm chủ đầu tư. Thời gian thực hiện 48 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lợi nhuận được tính theo: (1) phân chia bằng tiền mặt: lợi nhuận sẽ được chia theo tỷ lệ góp vốn trong tổng mức đầu tư sau khi dự án đưa vào vận hành thực tế; (2) phân chia bằng sản phẩm dự án: sau khi dự án hoàn tất xây dựng, có Biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng và quyết toán thì các bên sẽ tiến hành phân chia sản phẩm theo tỷ lệ góp vốn của các bên.

(7) Đây là khoản nhận được theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 04/2023/HTKD-BCG-ART ngày 20/10/2023 giữa Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bamboo Capital và Công ty Cổ phần Artemis Investment về việc đầu tư vào Dự án Khu dân cư Tổ 5, Phường Nghĩa Phú, tại Phường Nghĩa Phú, Thành phố Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông do Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital làm chủ đầu tư. Thời gian hợp tác là 04 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Dựa vào kết quả đầu tư kinh doanh vào các dự án, các bên phân chia lợi nhuận dựa trên kết quả kinh doanh thực tế của dự án, việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng.

501
CÔNG
TN
H V
HINH
KIẾ
PHIA
T.P

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2023	5.334.676.220.000	866.926.422.000	20.993.050.608	6.222.595.692.608
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	882.176.263	882.176.263
Số dư tại ngày 30/06/2023	5.334.676.220.000	866.926.422.000	21.875.226.871	6.223.477.868.871
Số dư tại ngày 01/01/2024	5.334.676.220.000	866.926.422.000	21.875.226.871	6.223.477.868.871
- Tăng vốn trong kỳ	(*) 2.667.290.030.000	-	-	2.667.290.030.000
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	7.957.540.027	7.957.540.027
- Các chi phí phát sinh khi phát hành cổ phiếu trong kỳ	-	(119.540.000)	-	(119.540.000)
Số dư tại ngày 30/06/2024	8.001.966.250.000	866.806.882.000	29.832.766.898	8.898.605.898.898

Ghi chú:

(*) Thực hiện Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông số 06/2022/NQ-ĐHĐCĐ-BCG ngày 22/07/2022, Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ-BCG ngày 15/03/2023 và các Nghị Quyết Hội đồng quản trị có liên quan, Công ty thực hiện chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ Công ty. Tổng số cổ phiếu đã được phân phối đợt phát hành: 266.729.003 cổ phiếu.



16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<i>Ngày 30/06/2024</i>	<i>Ngày 01/01/2024</i>
- Vốn góp của Nhà nước	-	-
- Tổ chức, cá nhân khác	8.001.966.250.000	5.334.676.220.000
Cộng	8.001.966.250.000	5.334.676.220.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<i>Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024</i>	<i>Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023</i>
<i>- Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>		
+ Vốn góp đầu kỳ	5.334.676.220.000	5.334.676.220.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	2.667.290.030.000	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	8.001.966.250.000	5.334.676.220.000
<i>- Cổ tức, lợi nhuận đã chia</i>	-	-

d. Cổ phiếu

	<i>Ngày 30/06/2024</i>	<i>Ngày 01/01/2024</i>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	800.196.625	533.467.622
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	800.196.625	533.467.622
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	800.196.625	533.467.622
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	800.196.625	533.467.622
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	800.196.625	533.467.622

* *Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.*

17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<i>Ngày 30/06/2024</i>	<i>Ngày 01/01/2024</i>
<i>a. Ngoại tệ các loại</i>		
- Đô la Mỹ (USD)	857,02	870,22

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tính: VND

1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
a. Tổng doanh thu	17.520.000.000	64.885.163.440
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	17.520.000.000	64.885.163.440
b. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.520.000.000	64.885.163.440
c. Doanh thu đối với các bên liên quan (Chi tiết khoản mục này được trình bày tại Thuyết minh VIII.1.b).		

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	10.883.606.753	5.806.093.526
Cộng	10.883.606.753	5.806.093.526

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	47.556.529.313	34.377.006.353
- Lãi phải thu theo Hợp đồng hợp tác đầu tư	1.851.616.441	2.209.191.781
- Doanh thu tài chính khác	9.828	8.699
Cộng	49.408.155.582	36.586.206.833

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
- Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	29.636.345.098	41.941.505.964
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	23.983.500	26.472.365.000
- Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) đầu tư tài chính	(7.857.090.453)	(1.010.926.907)
- Chi phí tài chính khác	349.999.998	349.999.998
Cộng	22.153.238.143	67.752.944.055

0501
CỔN
TN
CH VỤ
CHÍNH
À KIẾ
PHIA
- T.P

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024</i>	<i>Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023</i>
a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	-	-
b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	26.028.854.493	24.208.008.337
- Chi phí nhân viên quản lý	8.437.340.536	10.967.340.167
- Chi phí vật liệu quản lý	841.638.591	682.760.128
- Chi phí đồ dùng văn phòng	195.820.502	224.359.915
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.006.585.821	1.062.084.988
- Thuế, phí và lệ phí	15.700.000	5.300.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.799.023.716	9.130.937.244
- Chi phí bằng tiền khác	2.732.745.327	2.135.225.895

6. THU NHẬP KHÁC

	<i>Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024</i>	<i>Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023</i>
- Thanh lý tài sản cố định, công cụ dụng cụ	100.000.000	-
Cộng	100.000.000	-

7. CHI PHÍ KHÁC

	<i>Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024</i>	<i>Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023</i>
- Chi phí thanh lý tài sản cố định	-	561.175
- Các khoản khác	4.916.166	4.966.712
Cộng	4.916.166	5.527.887

8. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024</i>	<i>Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023</i>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	841.638.591	682.760.128
- Chi phí nhân công	8.437.340.536	10.967.340.167
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.006.585.821	1.062.084.988
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.799.023.716	9.130.937.244
- Chi phí bằng tiền khác	2.944.265.829	2.364.885.810
Cộng	26.028.854.493	24.208.008.337

9. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<i>Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024</i>	<i>Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023</i>
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.957.540.027	3.698.796.468
- Các khoản điều chỉnh tăng / (giảm) lợi nhuận kế toán trước thuế	385.816.167	389.366.714
+ Các khoản điều chỉnh tăng	385.816.167	389.366.714
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Tổng thu nhập chịu thuế	8.343.356.194	4.088.163.182
+ Lỗ từ các năm trước chuyển sang	(8.343.356.194)	(4.088.163.182)
- Tổng thu nhập tính thuế	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Các giao dịch phi tiền tệ ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ: Không phát sinh.
2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Không phát sinh.
3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	<i>Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024</i>	<i>Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023</i>
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	36.386.460.316	10.212.454.206
Cộng	36.386.460.316	10.212.454.206

4. Số tiền đã trả thực gốc vay trong kỳ

	<i>Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024</i>	<i>Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023</i>
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	50.089.441.548	108.573.071.371
Cộng	50.089.441.548	108.573.071.371

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

a. Các bên liên quan

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Công ty con
Công ty Cổ phần BCG Land	Công ty con
Công ty Cổ phần BCG Energy	Công ty con
Công ty Cổ phần BCG Khu công nghiệp Cát Trinh	Công ty con
Công ty Cổ phần BCG Financial	Công ty con
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm AAA	Công ty con
Công ty TNHH Phoenix Mountain	Công ty con
Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco	Công ty con (chuyển đổi từ Công ty liên kết từ ngày 05/04/2024)
Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Liên doanh Khai thác và Chế biến Vật liệu Xây dựng An Giang	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Thành Phúc	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Sao Sáng Sài Gòn	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Thương Mại Vxperia	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thanh Hóa	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long	Công ty con gián tiếp



a. Các bên liên quan (Tiếp theo)

Tên đơn vị	Mối quan hệ
Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 1	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 2	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Skylar	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Greensky Infinitive	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Cosmos Solar	Công ty con gián tiếp (giải thể ngày 20/02/2024)
Công ty Cổ phần Herb Solar	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Orchid Solar	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Violet Solar	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Tapiotek	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần BCG GAIA	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Nước Sạch Life Purity	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Băng Dương	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần TCD Plus	Công ty con gián tiếp
Công ty Taxi Việt Nam	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Du lịch Sinh Thái Cồn Bắp	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Tracodi E&C	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Phát triển Điện Gia Huy	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần BCG Điện gió Điện Biên Đông	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Aton	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH B.O.T ĐT 830	Công ty liên kết
Công ty TNHH Helios Village	Công ty liên kết (chuyển đổi từ Công ty con từ ngày 29/02/2024)
Công ty TNHH Skylight Power	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Phát Triển Sơn Long	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Bất Động Sản An Giang	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Đầu Tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	Có cùng thành viên quản lý chủ chốt với Công ty con
Công ty Cổ phần E Power 1	Có cùng thành viên quản lý chủ chốt (đến ngày 29/05/2024)
Công ty Cổ phần Mega Solar	Có cùng thành viên quản lý chủ chốt (đến ngày 29/05/2024)
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	Có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	Có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	Có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Biệt thự Nghỉ dưỡng Mỹ Khê	Có cùng thành viên quản lý chủ chốt với Công ty con
Công ty Cổ phần Thăng Phương	Có cùng thành viên quản lý chủ chốt với Công ty con
Công ty Cổ phần White Magnolia	Có cùng thành viên quản lý chủ chốt với Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Thương Mại Shuaa	Có cùng thành viên quản lý chủ chốt với Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu Tư Thương mại Dịch vụ An Khang Land	Có cùng thành viên quản lý chủ chốt với Công ty con
Công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ Trường Thành Đại Nam Security	Có cùng thành viên quản lý chủ chốt (đến ngày 27/04/2024)
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và người công bố thông tin	Ban điều hành và các cá nhân có liên quan

050117
CÔNG
TNHH
CH VỤ TL
SHÍNH KẾ
KIỂM T
PHÍA NA
T.P HC

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024</i>
Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	Cung cấp dịch vụ	1.440.000.000
	Cung cấp dịch vụ	2.880.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Cho vay	25.700.000.000
	Hoàn trả tiền cho vay	7.000.000.000
	Lãi cho vay	2.481.726.028
	Cung cấp dịch vụ	5.910.000.000
Công ty Cổ phần BCG Energy	Cho vay	72.789.600.000
	Lãi cho vay	489.704.987
Công ty TNHH B.O.T ĐT 830	Lãi hợp tác	1.851.616.441
Công ty Cổ phần BCG Land	Cung cấp dịch vụ	4.320.000.000
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	Cung cấp dịch vụ	150.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm AAA	Cung cấp dịch vụ	2.670.000.000
	Mua Bảo hiểm	72.015.364
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	Lãi cho vay	20.184.547.945
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	Lãi cho vay	19.705.863.014
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	Thuê văn phòng	4.307.937.073
Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort	Dịch vụ khách sạn	6.144.444
	Lãi cho vay	3.925.643.836
Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	Cho vay	271.000.000.000
	Cung cấp dịch vụ	7.070.278
Công ty Taxi Việt Nam	Cung cấp dịch vụ	150.000.000
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Thương Mại Shuaa	Mua hàng hóa, dịch vụ	158.660.000



c. Thu nhập Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát trong kỳ

Họ tên	Chức danh	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
Nguyễn Hồ Nam	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 27/04/2024)	80.000.000	288.000.000
Kou Kok Yiow	Chủ tịch HĐQT (bỏ nhiệm ngày 27/04/2024) Thành viên (miễn nhiệm ngày 27/04/2024)	52.000.000	-
Nguyễn Thanh Hùng	Phó Chủ tịch HĐQT Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 06/02/2024)	60.000.000	90.000.000
Phạm Minh Tuấn	Phó Chủ tịch HĐQT Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 06/02/2024)	60.000.000	76.200.000
Phạm Nguyễn Thiên Chương	Thành viên HĐQT độc lập (miễn nhiệm ngày 27/04/2024)	40.000.000	60.000.000
Nguyễn Tùng Lâm	Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 08/04/2024)	528.000.000	385.560.000
Tan Bo Quan, Andy	Thành viên HĐQT	60.000.000	283.830.000
Nguyễn Quốc Khánh	Thành viên HĐQT	30.000.000	10.000.000
Vũ Xuân Chiến	Thành viên HĐQT	60.000.000	30.000.000
Đặng Đình Tuấn	Thành viên HĐQT	30.000.000	
Hoàng Trung Thành	Thành viên HĐQT (bỏ nhiệm ngày 27/04/2024)	20.000.000	
Nguyễn Thế Tài	Thành viên độc lập HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 27/04/2024) Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 08/04/2024)	284.000.000	264.000.000
Hoàng Thị Minh Châu	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/04/2023)	-	120.000.000
Phạm Hữu Quốc	Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng	600.000.000	554.400.000
Đồng Hải Hà	Trưởng ban kiểm soát	60.000.000	20.000.000
Nguyễn Viết Cương	Thành viên ban kiểm soát	45.000.000	78.800.000
Leong Kwek Choon	Thành viên ban kiểm soát (bỏ nhiệm ngày 27/04/2024)	10.000.000	-
Cộng		2.019.000.000	2.260.790.000



d. Số dư cuối kỳ với các bên có liên quan

Tên đơn vị	Mã số trên CĐKT	Số tiền
Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	131	736.800.000
Công ty TNHH B.O.T ĐĐT 830	136	23.413.301.369
Công ty Cổ phần BCG Financial	319	282.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang	337	104.000.000.000
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	136	19.719.038.356
	215	253.000.000.000
Công ty Cổ phần BCG Energy	131	6.754.867.374
	135	72.789.600.000
	136	489.704.987
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	131	1.812.000.000
	215	50.300.000.000
	136	1.609.236.380
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	131	489.000.000
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	136	13.228.290.414
	215	247.000.000.000
Công ty Cổ phần BCG Land	131	5.311.200.000
	337	420.000.000.000
Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	215	333.500.000.000
	136	1.373.046.576
Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M	131	189.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	311	12.808.920.842
Công ty Cổ phần Bảo Hiểm AAA	131	118.800.000
Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort	311	6.636.000
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Thương Mại Shuaa	131	2.705.511.602

2. THÔNG TIN VỀ BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty thực hiện chủ yếu là hoạt động cung cấp dịch vụ chỉ trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý cũng như lĩnh vực kinh doanh.

3. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ số 04/2024/NQ-ĐHĐCĐ-BCG ngày 27/04/2024 và các Nghị quyết HĐQT liên quan, Công ty đã thực hiện phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền 100:10. Tổng số cổ phiếu đã được phân phối trong đợt phát hành: 80.014.019 cổ phiếu. Thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 31 ngày 22/08/2024 với vốn điều lệ là 8.802.106.440.000 VND.

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

4. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2023 của Công ty đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán và soát xét.

Người lập biểu

Huỳnh Minh Trường

Kế toán trưởng

Phạm Hữu Quốc

Lập, ngày 29 tháng 08 năm 2024

Phó Chủ tịch HĐQT



Phạm Minh Tuấn

